

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	13 - 34

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần thép tấm lá Thống Nhất hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492031000061 ngày 20 tháng 9 năm 2007 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ban quản lý các Khu công nghiệp Bà Rịa – Vũng Tàu cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 03 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

Cổ đông	Vốn góp	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước (Tổng Công thép Việt Nam)	62.494.810.000	31,24
Các cổ đông khác	137.505.190.000	68,76
<b>Cộng</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.  
Điện thoại : (84-64) 3923636  
Fax : (84-64) 3923889  
Email : www.tnsteel.vn  
Mã số thuế : 3500820408

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất thép tấm lá cán nguội và các sản phẩm sau cán; xuất nhập khẩu máy móc thiết bị ngành thép.

**Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty**

Đến hết tháng 5 năm 2010, Công ty đã hoàn tất giai đoạn xây dựng cơ bản dở dang, triển khai xong quá trình chạy thử dây chuyền 1 và bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời Công ty đã tiến hành mua sắm máy móc thiết bị cho dây chuyền 2. Trong năm 2011 tình hình sản xuất hoạt động kinh doanh của Công ty đã ổn định và đã lắp đặt, chạy thử máy móc thiết bị cho dây chuyền 2.

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 34).

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ngày 14 tháng 01 năm 2012 Công ty đã ký Hợp đồng thế chấp số 9153/HĐTC-ĐS/TCB với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thế chấp nguyên vật liệu tồn kho nhằm đảm bảo khoản vay cho Ngân hàng này, mục đích vay để thanh toán tiền mua nguyên vật liệu thế chấp này.

Ngoài sự kiện nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### *Hội đồng quản trị*

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Huỳnh Công Du	Chủ tịch	28 tháng 5 năm 2009	-
Ông Nguyễn Minh Xuân	Thành viên	25 tháng 9 năm 2007	-
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	25 tháng 9 năm 2007	-
Ông Hồ Quang Thiệp	Thành viên	30 tháng 3 năm 2010	-
Ông Phan Văn Hòa	Thành viên	25 tháng 9 năm 2007	-
Ông Trần Ngọc Tuấn	Thành viên	28 tháng 5 năm 2009	-
Ông Nguyễn Văn Đại	Thành viên	28 tháng 5 năm 2009	-

### *Ban kiểm soát*

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Phong	Trưởng ban	25 tháng 9 năm 2007	-
Ông Nguyễn Trần Bảo Ngọc	Thành viên	25 tháng 9 năm 2007	-
Bà Phạm Thị Thanh Huyền	Thành viên	25 tháng 9 năm 2007	-

### *Ban Tổng Giám đốc*

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Đại	Tổng Giám đốc	15 tháng 02 năm 2011	-
Ông Huỳnh Công Du	Tổng Giám đốc	24 tháng 3 năm 2009	15 tháng 02 năm 2011
Ông Nguyễn Văn Đại	Phó Tổng Giám đốc	25 tháng 9 năm 2007	15 tháng 02 năm 2011
Ông Võ Ngọc Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 02 năm 2011	-

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

## Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

32047  
CÔNG  
CH NHIỆM  
KIỂM TO  
TỬ V  
TP H

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**  
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



**Huỳnh Công Du**  
Chủ tịch

Ngày 17 tháng 02 năm 2012





**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

Số: 0045/2012/BCTC-KTTV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

### VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần thép tấm lá Thống Nhất gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 19 tháng 01 năm 2012 (từ trang 06 đến trang 34 kèm theo).

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính của Công ty năm 2010 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã phát hành Báo cáo kiểm toán vào ngày 25 tháng 3 năm 2011 với ý kiến chấp nhận toàn bộ.

#### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần thép tấm lá Thống Nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)**



*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

**Phùng Thị Quang Thái - Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0094/KTV

**Lê Thị Thu Nga - Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1182/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2012

# CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>406.922.144.295</b>	<b>324.728.976.207</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>17.030.288.481</b>	<b>8.378.741.133</b>
1. Tiền	111		5.180.288.481	8.378.741.133
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.850.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.700.000.288</b>	<b>28.387.616.006</b>
1. Phải thu khách hàng	131		101.807.819	1.144.024
2. Trả trước cho người bán	132	V.2	4.338.406.020	24.817.576.859
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	3.259.786.449	3.568.895.123
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>306.968.040.990</b>	<b>238.528.703.578</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	314.446.642.205	238.528.703.578
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.5	(7.478.601.215)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>75.223.814.536</b>	<b>49.433.915.490</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	16.145.497.736	2.896.562.779
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		28.034.149.282	34.984.760.873
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	3.183.919.410	3.183.919.410
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	27.860.248.108	8.368.672.428

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>531.654.816.929</b>	<b>487.257.037.031</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>510.670.235.198</b>	<b>461.598.849.383</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	504.129.649.243	424.974.585.940
<i>Nguyên giá</i>	222		531.240.437.236	434.586.992.498
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(27.110.787.993)	(9.612.406.558)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	6.540.585.955	36.624.263.443
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.984.581.731</b>	<b>25.658.187.648</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	20.984.581.731	25.658.187.648
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>938.576.961.224</b>	<b>811.986.013.238</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>878.646.422.501</b>	<b>647.682.341.135</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>500.425.172.662</b>	<b>287.248.710.341</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	28.993.600.000	54.994.368.000
2. Phải trả người bán	312	V.14	456.846.535.761	201.826.382.028
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	5.337.302.438	9.613.716.025
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	41.122.554	48.844.044
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.17	8.909.635.845	20.588.281.120
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		296.976.064	177.119.124
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>378.221.249.839</b>	<b>360.433.630.794</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	378.178.000.000	360.390.380.955
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		43.249.839	43.249.839
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>59.930.538.723</b>	<b>164.303.672.103</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>59.930.538.723</b>	<b>164.303.672.103</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.19	200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.19	(140.069.461.277)	(35.696.327.897)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>938.576.961.224</b>	<b>811.986.013.238</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

448-C.T.  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN VÀ  
 VẤN  
 HỒ CHÍ

# CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		6.780,53	1.567,35
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 19 tháng 01 năm 2012



Nguyễn Ngọc Anh  
Người lập biểu



Lê Sơn Nam  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đại  
Tổng Giám đốc

H. H. H.  
MINH

# CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.020.901.282.617	543.294.697.207
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	21.466.098.964	11.312.555.522
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	999.435.183.653	531.982.141.685
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	970.038.190.554	524.302.029.820
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.396.993.099	7.680.111.865
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.500.676.833	1.747.299.714
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	122.688.303.914	46.760.819.422
Trong đó: chi phí lãi vay	23		78.109.996.308	31.060.111.528
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1.510.096.929	15.418.086
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11.373.561.669	9.819.935.603
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(103.674.292.580)	(47.168.761.532)
11. Thu nhập khác	31		415.480.108	15.531.750
12. Chi phí khác	32		1.114.320.908	123.502.797
13. Lợi nhuận khác	40		(698.840.800)	(107.971.047)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(104.373.133.380)	(47.276.732.579)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(104.373.133.380)</u>	<u>(47.276.732.579)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>(5.219)</u>	<u>(2.380)</u>

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 19 tháng 01 năm 2012



Nguyễn Ngọc Anh  
Người lập biểu



Lê Sơn Nam  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đại  
Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(104.373.133.380)	(47.276.732.579)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9	17.498.381.435	9.372.386.265
- Các khoản dự phòng	03	V.5	7.478.601.215	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	33.394.566.287	12.065.523.347
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(377.045.904)	(464.689.382)
- Chi phí lãi vay	06	VI.3	78.109.996.308	31.060.111.528
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		31.731.365.961	4.756.599.179
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.146.651.629	(26.406.476.619)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(75.917.938.627)	(205.024.937.773)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		247.542.179.569	169.734.501.465
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(13.136.141.033)	(27.349.277.200)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(87.437.499.850)	(10.471.830.408)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(353.397.738)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>110.928.617.649</b>	<b>(95.114.819.094)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 10	(66.569.767.250)	(123.706.397.567)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	5.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	377.045.904	464.689.382
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(66.192.721.346)</b>	<b>(118.241.708.185)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

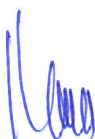
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	8.000.917.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.13, 18	90.240.019.294	259.956.445.271
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.13, 18	(126.324.368.249)	(109.383.788.322)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(36.084.348.955)</b>	<b>158.573.573.949</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>8.651.547.348</b>	<b>(54.782.953.330)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>8.378.741.133</b>	<b>63.158.445.795</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	3.248.668
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>17.030.288.481</b>	<b>8.378.741.133</b>

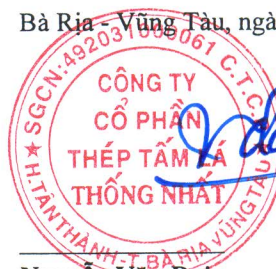
Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 19 tháng 01 năm 2012



Nguyễn Ngọc Anh  
Người lập biểu



Lê Sơn Nam  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đại  
Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất thép tấm lá cán nguội và các sản phẩm sau cán.
- Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số lượng nhân viên của Công ty là 116 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 107 nhân viên).
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**  
Đến hết tháng 5 năm 2010, Công ty đã hoàn tất giai đoạn xây dựng cơ bản dở dang, triển khai xong quá trình chạy thử dây chuyền 1 và bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời Công ty đã tiến hành mua sắm máy móc thiết bị cho dây chuyền 2. Trong 9 tháng đầu năm 2011 tình hình sản xuất hoạt động kinh doanh của Công ty đã ổn định và đã lắp đặt, chạy thử máy móc thiết bị cho dây chuyền 2.

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	02 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 15

Riêng các tài sản cố định thuộc dây chuyền cán và dây chuyền cuộn lại được khấu hao theo phương pháp khối lượng sản phẩm sản xuất.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **6. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **7. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Là các thiết bị bán dẫn, phụ tùng thay thế cho máy cán có thời gian sử dụng trên 1 năm và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### ***Chi phí đào tạo nhân viên trong giai đoạn xây dựng cơ bản***

Chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 3 năm.

#### ***Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản***

Chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 5 năm.

### **8. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### **9. Nguồn vốn kinh doanh**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

### **10. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.





# CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 11. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi Công ty chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào thu nhập hoặc chi phí với thời gian không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD  
31/12/2011 : 20.828 VND/USD

### 12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 13. Tài sản tài chính

#### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### 14. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### *Công cụ tài chính phức hợp*

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

### **15. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### **16. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	220.293.418	338.686.810
Tiền gửi ngân hàng	4.959.995.063	8.040.054.323
Các khoản tương đương tiền (*)	11.850.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>17.030.288.481</u></b>	<b><u>8.378.741.133</u></b>

(\*) Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 03 tháng.

##### 2. Trả trước cho người bán

Khoản ứng trước cho các nhà thầu tham gia xây dựng công trình giai đoạn 2 của Công ty.

##### 3. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản chi hộ phải thu lại của các nhà thầu nước ngoài	3.139.640.542	3.271.230.111
Phải thu khác	120.145.907	297.665.012
<b>Cộng</b>	<b><u>3.259.786.449</u></b>	<b><u>3.568.895.123</u></b>

##### 4. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	45.923.116	-
Nguyên liệu, vật liệu (*)	121.917.779.789	4.069.410.484
Công cụ, dụng cụ	74.669.737	17.037.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	76.888.306.791	161.480.870.247
Thành phẩm	115.519.962.772	72.961.385.847
<b>Cộng</b>	<b><u>314.446.642.205</u></b>	<b><u>238.528.703.578</u></b>

(\*) Trong đó nguyên vật liệu có giá trị 77.894.015.942 VND được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số VII.2).

##### 5. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Trích lập dự phòng cho thành phẩm loại 3.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong năm	7.478.601.215	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.478.601.215</b>	<b>-</b>

#### 6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	15.901.828.010	2.766.059.733
Chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản	243.669.726	130.503.046
<b>Cộng</b>	<b>16.145.497.736</b>	<b>2.896.562.779</b>

#### 7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế nhà thầu nộp hộ nhà thầu nước ngoài chờ quyết toán với Cơ quan thuế.

#### 8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	18.690.000	400
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	27.841.558.108	8.368.672.028
<b>Cộng</b>	<b>27.860.248.108</b>	<b>8.368.672.428</b>

#### 9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	52.331.269.600	361.423.974.471	19.585.885.518	1.245.862.909	434.586.992.498
Tăng trong năm	18.977.383.981	77.463.179.818	167.627.302	45.253.637	96.653.444.738
Mua sắm mới	1.707.789.194	262.900.000	221.557.727	45.253.637	2.237.500.558
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	17.269.594.787	77.200.279.818	(53.930.425)	-	94.415.944.180
<b>Số cuối năm</b>	<b>71.308.653.581</b>	<b>438.887.154.289</b>	<b>19.753.512.820</b>	<b>1.291.116.546</b>	<b>531.240.437.236</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	356.290.889	7.833.667.076	1.268.380.546	154.068.047	9.612.406.558
Khấu hao trong năm	2.356.917.293	12.887.318.209	2.020.300.118	233.845.815	17.498.381.435
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.713.208.182</b>	<b>20.720.985.285</b>	<b>3.288.680.664</b>	<b>387.913.862</b>	<b>27.110.787.993</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	51.974.978.711	353.590.307.395	18.317.504.972	1.091.794.862	424.974.585.940
<b>Số cuối năm</b>	<b>68.595.445.399</b>	<b>418.166.169.004</b>	<b>16.464.832.156</b>	<b>903.202.684</b>	<b>504.129.649.243</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 389.561.728.632 VND và 370.669.639.321 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Công ty tài chính cổ phần xi măng (CFC) (xem thuyết minh số V.18).

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Máy mài trực	26.715.267.044	-	(26.715.267.044)	-
Máy móc và các chi phí khác liên quan đến dây chuyền cuộn	9.607.725.014	40.157.823.652	(49.765.548.666)	-
Móng và nền sản xuất chính	-	8.967.556.639	(8.967.556.639)	-
Xây dựng móng máy mài	-	2.885.725.237	(2.885.725.237)	-
Các công trình khác	301.271.385	12.321.161.164	(6.081.846.594)	6.540.585.955
<b>Cộng</b>	<b>36.624.263.443</b>	<b>64.332.266.692</b>	<b>(94.415.944.180)</b>	<b>6.540.585.955</b>

#### 11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ	126.689.966	1.839.045.832	(657.162.150)	1.308.573.648
Chi phí đào tạo	4.756.889.692	-	(1.076.646.720)	3.680.242.972
Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn xây dựng cơ bản	20.143.586.303	-	(4.560.811.993)	15.582.774.310
Chi phí đi dờ, sửa chữa máy	629.018.287	-	(216.027.486)	412.990.801
Chi phí khác	2.003.400	-	(2.003.400)	-
<b>Cộng</b>	<b>25.658.187.648</b>	<b>1.839.045.832</b>	<b>(6.512.651.749)</b>	<b>20.984.581.731</b>

#### 12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

#### 13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	54.994.368.000	65.050.000.000	(120.044.368.000)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.47)	-	-	-	28.993.600.000	28.993.600.000
Vay bằng tiền VND	-	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Vay bằng tiền USD	-	-	-	24.993.600.000	24.993.600.000
<b>Cộng</b>	<b>54.994.368.000</b>	<b>65.050.000.000</b>	<b>(120.044.368.000)</b>	<b>28.993.600.000</b>	<b>28.993.600.000</b>

(\*) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 10.676001/HĐHMTD ngày 19 tháng 4 năm 2010 với hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND, mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay là 6 tháng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp trong nước	369.396.300.725	192.882.677.666
Các nhà cung cấp nước ngoài	87.450.235.036	8.943.704.362
<b>Cộng</b>	<b><u>456.846.535.761</u></b>	<b><u>201.826.382.028</u></b>

#### 15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	-	5.075.225.266
Công ty Cổ phần TM - SX tôn Tân Phước Khanh	4.188.645.001	1.597.737.060
Công ty Cổ phần thép Nam Kim	916.596.499	-
Các khách hàng khác	232.060.938	2.940.753.699
<b>Cộng</b>	<b><u>5.337.302.438</u></b>	<b><u>9.613.716.025</u></b>

#### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	12.178.269.460	(12.178.269.460)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	1.760.662	500.560.964	(502.321.626)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.750	-	-	6.750
Thuế thu nhập cá nhân	47.076.632	228.423.391	(234.384.219)	41.115.804
Các loại thuế khác	<u>(3.183.919.410)</u>	<u>5.000.000</u>	<u>(5.000.000)</u>	<u>(3.183.919.410)</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>(3.135.075.366)</u></b>	<b><u>12.912.253.815</u></b>	<b><u>(12.919.975.305)</u></b>	<b><u>(3.142.796.856)</u></b>

Thuế nhà thầu nộp hộ nhà thầu nước ngoài chờ quyết toán với Cơ quan thuế được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.7).

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng cho sản phẩm thép là 10%.

#### **Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 3 cấp ngày 16 tháng 02 năm 2011, Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 25% lợi nhuận trong các năm tiếp theo; Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo.

Năm nay hoạt động kinh doanh của Công ty bị lỗ nên không dự tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	6.241.267.391	66.370.123
Lãi trả chậm mua nguyên vật liệu	2.668.368.454	20.521.910.997
<b>Cộng</b>	<b><u>8.909.635.845</u></b>	<b><u>20.588.281.120</u></b>

#### 18. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay đồng tài trợ giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (VCB) và Công ty tài chính cổ phần xi măng (CFC) bao gồm 2 hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0017/ĐTDA/09CN ngày 23 tháng 9 năm 2009 trong đó quy định:
  - Hạn mức cho vay là 15.000.000.000 USD (trong đó VCB cho vay 5.000.000 USD, còn CFC cho vay 10.000.000 USD).
  - Mục đích vay là thanh toán chi phí đầu tư dự án bao gồm chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng và lãi vay trong thời gian xây dựng.
  - Lãi suất vay bằng lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng + lãi suất biên USD.
  - Thời hạn vay là 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
  - Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản thuộc dự án và được Tổng Công ty thép Việt Nam bảo lãnh.
- Hợp đồng tín dụng số 0012/ĐTDA/10CD ngày 12 tháng 4 năm 2010 trong đó quy định:
  - Hạn mức cho vay là 132.650.000.000 VND (trong đó VCB cho vay 47.650.000.000 VND, còn CFC cho vay 85.000.000.000 VND).
  - Mục đích vay là thanh toán chi phí đầu tư dự án bao gồm chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng và lãi vay trong thời gian xây dựng.
  - Lãi suất vay bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng + lãi suất biên BND.
  - Thời hạn vay là 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
  - Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản thuộc dự án và được Tổng Công ty thép Việt Nam bảo lãnh.

Chi tiết khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay bằng tiền VND	76.410.381.144	25.190.019.294	(600.400.438)	(4.000.000.000)	-	97.000.000.000
Vay bằng tiền USD	283.979.999.811	-	(5.679.599.811)	(24.993.600.000)	27.871.200.000	281.178.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>360.390.380.955</u></b>	<b><u>25.190.019.294</u></b>	<b><u>(6.280.000.249)</u></b>	<b><u>(28.993.600.000)</u></b>	<b><u>27.871.200.000</u></b>	<b><u>378.178.000.000</u></b>

#### Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn ngân hàng

	<u>Số cuối năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	28.993.600.000
Trên 1 năm đến 5 năm	231.286.400.000
Trên 5 năm	146.891.600.000
<b>Tổng nợ</b>	<b><u>407.171.600.000</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 19. Vốn chủ sở hữu

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số đầu năm trước	191.999.083.000	(14.936.122.713)	11.580.404.682	188.643.364.969
Tăng vốn trong năm trước	8.000.917.000	-	-	8.000.917.000
Kết chuyển vào chi phí trả trước dài hạn	-	14.936.122.713	-	14.936.122.713
Lỗ năm trước	-	-	(47.276.732.579)	(47.276.732.579)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(35.696.327.897)</b>	<b>164.303.672.103</b>
Số đầu năm	200.000.000.000	-	(35.696.327.897)	164.303.672.103
Lỗ trong năm nay	-	-	(104.373.133.380)	(104.373.133.380)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(140.069.461.277)</b>	<b>59.930.538.723</b>

#### Cổ phiếu

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

##### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng doanh thu	1.020.901.282.617	543.294.697.207
- Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	995.516.066.309	526.303.003.646
- Doanh thu dịch vụ	44.909.862	-
- Doanh thu bán phế liệu	25.340.306.446	16.991.693.561
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(21.466.098.964)	(11.312.555.522)
- Chiết khấu thương mại	(18.452.185.368)	(10.425.847.805)
- Hàng bán bị trả lại	(1.773.018.321)	(590.160.705)
- Giảm giá hàng bán	(1.240.895.275)	(296.547.012)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>999.435.183.653</b>	<b>531.982.141.685</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	974.049.967.345	514.990.448.124
- Doanh thu dịch vụ	44.909.862	-
- Doanh thu bán phế liệu	25.340.306.446	16.991.693.561
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn thành phẩm (*)	936.725.658.240	508.693.704.400
Giá vốn phế liệu	25.833.931.099	15.608.325.420
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.478.601.215	-
<b>Cộng</b>	<u><b>970.038.190.554</b></u>	<u><b>524.302.029.820</b></u>
(*) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp trong năm như sau:		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	947.647.611.712	741.822.432.971
Chi nhân công trực tiếp	4.683.020.216	1.901.043.892
Chi phí sản xuất chung	63.887.235.517	60.670.323.852
Tổng chi phí sản xuất	1.016.217.867.445	804.393.800.715
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	84.592.563.456	(161.480.870.247)
Trừ giảm khác	(26.263.296.007)	(61.257.840.221)
Tổng giá thành sản xuất	1.074.547.134.894	581.655.090.247
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(42.558.576.925)	(72.961.385.847)
Trừ chi phí sản xuất dở dang của giai đoạn chạy thử dây chuyền 2	(95.262.899.729)	-
<b>Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp</b>	<u><b>936.725.658.240</b></u>	<u><b>508.693.704.400</b></u>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	377.045.904	464.689.382
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.385.470.384	1.282.610.332
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	738.160.545	-
<b>Cộng</b>	<u><b>2.500.676.833</b></u>	<u><b>1.747.299.714</b></u>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	45.498.619.986	10.455.835.490
Lãi trả chậm mua nguyên vật liệu	32.611.376.322	20.604.276.038
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.183.741.319	3.635.184.547
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	33.394.566.287	12.065.523.347
<b>Cộng</b>	<u><b>122.688.303.914</b></u>	<u><b>46.760.819.422</b></u>



## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	148.184.987	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.047.599.606	-
Chi phí bằng tiền khác	314.312.336	15.418.086
<b>Cộng</b>	<b><u>1.510.096.929</u></b>	<b><u>15.418.086</u></b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	3.162.888.192	956.180.661
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	-	87.912.091
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.528.030	111.800.429
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.397.016.777	105.301.972
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	71.585.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.105.325.608	7.629.453.706
Chi phí bằng tiền khác	2.699.803.062	857.701.066
<b>Cộng</b>	<b><u>11.373.561.669</u></b>	<b><u>9.819.935.603</u></b>

#### 7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(104.373.133.380)	(47.276.732.579)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	19.866.652
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>(5.219)</u></b>	<b><u>(2.380)</u></b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	20.000.000	19.199.908
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát trong năm	-	666.743
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b><u>20.000.000</u></b>	<b><u>19.866.652</u></b>

#### 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	948.844.822.534	744.000.942.873
Chi phí nhân công	11.636.453.021	6.416.542.237
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.498.381.435	9.372.386.265
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.484.323.378	53.579.661.082
Chi phí khác	4.637.545.675	859.621.947
<b>Cộng</b>	<b><u>1.029.101.526.043</u></b>	<b><u>814.229.154.404</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.6 đến VII.10 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

### 2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 14 tháng 01 năm 2012 Công ty đã ký Hợp đồng thế chấp số 9153/HĐTC-ĐS/TCB với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thế chấp nguyên vật liệu tồn kho nhằm đảm bảo khoản vay cho Ngân hàng này, mục đích vay để thanh toán tiền mua nguyên vật liệu thế chấp này.

### 3. Giao dịch với các bên liên quan

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	558.980.869	566.068.509
Thưởng	188.615.454	108.272.727
Phụ cấp	109.320.000	26.430.000
Bảo hiểm	106.440.000	93.860.000
<b>Cộng</b>	<b><u>963.356.323</u></b>	<b><u>794.631.236</u></b>

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty thép Việt Nam	Cổ đông sáng lập
Công ty Cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh	Cổ đông sáng lập
Công ty thép tấm lá Phú Mỹ	Là công ty con của Tổng Công ty thép Việt Nam
Công ty TNHH MTV cơ khí thép SMC	Là công ty con của Công ty Cổ phần đầu tư TM SMC - Cổ đông sáng lập
Công ty Tôn Phương Nam	Cổ đông sáng lập
Công ty TNHH Thép Trung Nguyên	Cổ đông sáng lập

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng Công ty thép Việt Nam</b>		
Mua nguyên vật liệu	356.311.030.000	307.057.519.915
Lãi trả chậm mua nguyên vật liệu	30.401.587.760	20.604.276.038
<b>Công ty Cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh</b>		
Mua nguyên vật liệu	209.898.741.997	-
Lãi trả chậm mua nguyên vật liệu	2.351.141.733	-
<b>Công ty thép tấm lá Phú Mỹ</b>		
Phí gia công	41.140.203.847	37.036.744.347
Mua nguyên vật liệu	1.166.218.259	15.470.000
Cung cấp dịch vụ khác	156.100.000	-
Lãi trả chậm	2.728.583.446	82.365.041
Bán thành phẩm	747.407.400	-
<b>Công ty TNHH MTV cơ khí thép SMC</b>		
Mua nguyên vật liệu	17.348.193.878	1.376.969.615
Bán thành phẩm	1.359.691.012	-
<b>Công ty Tôn Phương Nam</b>		
Bán thành phẩm	326.990.653.744	148.457.579.435
<b>Công ty TNHH Thép Trung Nguyên</b>		
Bán thành phẩm	36.797.532.231	52.041.600.320

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tổng Công ty thép Việt Nam</b>		
_ Tiền mua nguyên vật liệu	279.879.960.246	189.670.565.454
_ Lãi trả chậm	282.889.630	20.521.910.997
<b>Công ty Cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh</b>		
_ Tiền mua nguyên vật liệu	56.426.880.620	-
_ Lãi trả chậm	2.351.141.733	-
<b>Công ty thép tấm lá Phú Mỹ</b>		
_ Tiền mua nguyên vật liệu	28.035.186.577	-
_ Lãi trả chậm	317.226.721	-
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>367.293.285.527</u></b>	<b><u>210.192.476.451</u></b>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Ngoài ra Tổng Công ty thép Việt Nam còn bảo lãnh cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (VCB) và Công ty tài chính cổ phần xi măng (CFC) (xem thuyết minh số V.18).

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẮM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 4. Thông tin về bộ phận

##### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh thép tấm lá cán nguội.

##### Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

#### 5. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót

##### Các sai sót

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh của kỳ trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước		Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
			Các điều chỉnh		
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Tài sản ngắn hạn	100	339.898.054.571	(15.169.078.364)	324.728.976.207	
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	43.556.694.370	(15.169.078.364)	28.387.616.006	
Trả trước cho người bán	132	40.014.510.590	(15.196.933.731)	24.817.576.859	(1)
Các khoản phải thu khác	135	3.541.039.756	27.855.367	3.568.895.123	(2)
Thuế GTGT được khấu trừ	152	29.589.772.179	5.394.988.694	34.984.760.873	(3)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8.578.908.104	(5.394.988.694)	3.183.919.410	(3)
Tài sản dài hạn	200	461.914.627.904	25.342.409.127	487.257.037.031	
Tài sản cố định hữu hình	221	351.958.016.390	73.016.569.550	424.974.585.940	(3)
Nguyên giá	222	359.381.069.649	75.205.922.849	434.586.992.498	(4)
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(7.423.053.259)	(2.189.353.299)	(9.612.406.558)	(4)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	105.473.934.906	(68.849.671.463)	36.624.263.443	(5)
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.482.676.608	21.175.511.040	25.658.187.648	(6)
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>270</b>	<b>801.812.682.475</b>	<b>10.173.330.763</b>	<b>811.986.013.238</b>	
Nợ phải trả	300	613.592.917.174	34.089.423.961	647.682.341.135	
Nợ ngắn hạn	310	268.725.270.548	18.523.439.793	287.248.710.341	
Vay và nợ ngắn hạn	311	56.286.000.000	(1.291.632.000)	54.994.368.000	(7)
Phải trả người bán	312	182.011.310.235	19.815.071.793	201.826.382.028	(1)
Nợ dài hạn	330	344.867.646.626	15.565.984.168	360.433.630.794	
Vay và nợ dài hạn	334	344.824.396.787	15.565.984.168	360.390.380.955	(7)
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	188.219.765.301	(23.916.093.198)	164.303.672.103	
Vốn chủ sở hữu	410	188.219.765.301	(23.916.093.198)	164.303.672.103	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	1.049.056.877	(1.049.056.877)	-	(8)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(12.829.291.576)	(22.867.036.321)	(35.696.327.897)	(9)
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>440</b>	<b>801.812.682.475</b>	<b>10.173.330.763</b>	<b>811.986.013.238</b>	

##### Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	543.294.697.207	2.529.462.285	545.824.159.492	
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	13.514.192.501	327.825.306	13.842.017.807	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	529.780.504.706	2.201.636.979	531.982.141.685	

# CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán		Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
		năm trước	Các điều chỉnh		
Giá vốn hàng bán	11	521.400.865.158	2.901.164.662	524.302.029.820	
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	8.379.639.548	(699.527.683)	7.680.111.865	
Chi phí tài chính	22	24.593.310.784	22.167.508.638	46.760.819.422	
Trong đó: chi phí lãi vay	23	19.537.907.704	11.522.203.824	31.060.111.528	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(24.301.725.211)	(22.867.036.321)	(47.168.761.532)	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(24.409.696.258)	(22.867.036.321)	(47.276.732.579)	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(24.409.696.258)	(22.867.036.321)	(47.276.732.579)	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(1.230)	(1.150)	(2.380)	
<b>Lưu chuyển tiền tệ</b>					
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	01	(24.409.696.258)	(22.867.036.321)	(47.276.732.579)	
Khấu hao tài sản cố định	02	7.183.032.966	2.189.353.299	9.372.386.265	
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	12.065.523.347	12.065.523.347	
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.747.299.714)	1.282.610.332	(464.689.382)	
Chi phí lãi vay	06	19.537.907.704	11.522.203.824	31.060.111.528	
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	563.944.698	4.192.654.481	4.756.599.179	
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(10.302.231.034)	(16.104.245.585)	(26.406.476.619)	
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(215.915.716.899)	10.890.779.126	(205.024.937.773)	
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	167.114.783.631	2.619.717.834	169.734.501.465	
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(616.729.718)	(26.732.547.482)	(27.349.277.200)	
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.628.988.524)	(8.842.841.884)	(10.471.830.408)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	14.406.498.460	(14.406.498.460)	-	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(26.231.605.007)	26.231.605.007	-	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	(72.963.442.131)	(22.151.376.963)	(95.114.819.094)	
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(147.140.384.862)	23.433.987.295	(123.706.397.567)	
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-	
Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5.000.000.000	5.000.000.000	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.747.299.714	(1.282.610.332)	464.689.382	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	(140.393.085.148)	22.151.376.963	(118.241.708.185)	

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (1) Điều chỉnh do tăng tài sản chi phí xây dựng cơ bản dở dang và tăng tài sản cố định và đánh giá lại chênh lệch tỷ giá công nợ có gốc ngoại tệ.
- (2) Điều chỉnh tăng công nợ phải thu do hạch toán thiếu.
- (3) Trình bày lại thuế GTGT và thuế phải thu.
- (4) Điều chỉnh do tăng nguyên giá tài sản cố định và tính lại chi phí khấu hao
- (5) Kết chuyển tăng nguyên giá tài sản cố định.
- (6) Điều chỉnh do hạch toán thiếu chi phí và chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn xây dựng cơ bản
- (7) Điều chỉnh do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá khoản vay có gốc ngoại tệ.
- (8) Điều chỉnh do kết chuyển vào chi phí tài chính trong năm
- (9) Điều chỉnh do tăng chi phí khấu hao, chênh lệch tỷ giá, lãi vay không được vốn hóa và 1 số điều chỉnh khác.

#### 6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.030.288.481	8.378.741.133	17.030.288.481	8.378.741.133
Phải thu khách hàng	101.807.819	1.144.024	101.807.819	1.144.024
Các khoản phải thu khác	62.319.413.249	50.106.247.434	62.319.413.249	50.106.247.434
<b>Cộng</b>	<b>79.451.509.549</b>	<b>58.486.132.591</b>	<b>79.451.509.549</b>	<b>58.486.132.591</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	456.846.535.761	201.826.382.028	456.846.535.761	201.826.382.028
Vay và nợ	407.171.600.000	415.384.748.955	407.171.600.000	415.384.748.955
Chi phí phải trả	8.909.635.845	20.588.281.120	8.909.635.845	20.588.281.120
Các khoản phải trả khác	381.348.457	269.213.007	381.348.457	269.213.007
<b>Cộng</b>	<b>873.309.120.063</b>	<b>638.068.625.110</b>	<b>873.309.120.063</b>	<b>638.068.625.110</b>

#### 7. Tài sản đảm bảo

##### Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.18 và VII.2). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
	(VND)	
<b>Số cuối năm</b>		
Máy móc thiết bị dây chuyền cán và dây chuyền cuộn lại	370.669.639.321	Thế chấp cho khoản vay đồng tài trợ giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (VCB) để thanh toán tiền mua tài sản cố định
Nguyên vật liệu (lô hàng thép)	77.894.015.942	Thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán tiền mua nguyên vật liệu.
<b>Cộng</b>	<b>448.563.655.263</b>	
<b>Số đầu năm</b>		
Máy móc thiết bị dây chuyền cán và dây chuyền cuộn lại	381.685.789.899	Thế chấp cho khoản vay đồng tài trợ giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (VCB) để thanh toán tiền mua tài sản cố định
<b>Cộng</b>	<b>381.685.789.899</b>	



## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 8. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ hối đoái).

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### 9. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả người bán	456.846.535.761	-	-	456.846.535.761
Vay và nợ	28.993.600.000	231.286.400.000	146.891.600.000	407.171.600.000
Chi phí phải trả	8.909.635.845	-	-	8.909.635.845
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	338.098.618	43.249.839	-	381.348.457
<b>Cộng</b>	<b>495.087.870.224</b>	<b>231.329.649.839</b>	<b>146.891.600.000</b>	<b>873.309.120.063</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán	201.826.382.028	-	-	201.826.382.028
Vay và nợ	126.324.368.249	214.601.600.000	74.458.780.706	415.384.748.955
Chi phí phải trả	20.588.281.120	-	-	20.588.281.120
Các khoản phải trả khác	225.963.168	43.249.839	-	269.213.007
<b>Cộng</b>	<b>348.964.994.565</b>	<b>214.644.849.839</b>	<b>74.458.780.706</b>	<b>638.068.625.110</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 10. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	<u>Thay đổi tỷ giá USD (%)</u>	<u>Ảnh hưởng đến Lợi nhuận trước thuế</u>
Năm nay	+ 3	(11.806.860.076)
	- 3	11.806.860.076
Năm trước	+ 3	(8.777.160.729)
	- 3	8.777.160.729

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

	<u>Thay đổi lãi suất (%)</u>	<u>Ảnh hưởng đến Lợi nhuận trước thuế</u>
Năm nay	+ 3	(12.215.148.000)
	- 3	12.215.148.000
Năm trước	+ 3	(12.461.542.469)
	- 3	12.461.542.469

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### *Rủi ro về giá khác*

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 19 tháng 01 năm 2012



Nguyễn Ngọc Anh  
Người lập biểu



Lê Sơn Nam  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đại  
Tổng Giám đốc

